

Cần sớm chặn đà suy giảm tăng trưởng

PGS, TS. NGUYỄN THƯỜNG LẠNG
Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Thực trạng suy giảm tăng trưởng kinh tế Việt Nam

Trong quý I/2011, tăng trưởng GDP là 5,37% nhưng đến quý I/2012, tốc độ tăng này chỉ còn 4%. Trong quý II/2012, khả năng tăng trưởng đạt 4,5% và lạm phát có giảm so với quý I/2012 nhờ tác động của các biện pháp kiềm chế lạm phát. Trong năm 2011 và nửa đầu năm 2012, tăng trưởng kinh tế Việt Nam có xu hướng giảm và lạm phát sau khi có chiều hướng nhích lên vào quý III/2011 lại có xu hướng giảm vào cuối năm 2011 và đầu năm 2012. Nhìn tổng thể, lạm phát được kiềm chế và kinh tế vĩ mô được giữ ổn định (theo đồ thị). Đây là một thành công lớn nhờ triển khai Nghị quyết 11 của Chính phủ, và mục tiêu đặt ra của Nghị quyết về cơ bản đã đạt được trong một thời gian ngắn. Trong thời gian tới, với việc quyết liệt duy trì các biện pháp kiềm chế lạm phát, năm 2012 chắc chắn được khống chế ở mức một con số.

Trong những tháng đầu năm 2012, lạm phát có dấu hiệu giảm, song vẫn ở mức hai con số, nên không thể khẳng định nền kinh tế Việt Nam rơi vào tình trạng giảm phát - một trạng thái hiện ở lạm phát mang dấu âm. Đây cũng không phải là tình trạng thiếu phát do áp dụng quyết liệt các biện pháp kiềm chế lạm phát. Số liệu thống kê cho thấy, nền kinh tế Việt Nam đang rơi vào tình trạng suy giảm tăng trưởng so với giai đoạn trước. Bên cạnh đó, với việc hàng chục ngàn doanh nghiệp bị phá sản, thu hẹp sản xuất và hàng

Năm 2011, đầu năm 2012 tuy lạm phát đã giảm xuống nhưng nền kinh tế Việt Nam bắt đầu xuất hiện dấu hiệu suy giảm tăng trưởng, và điều này càng bộc lộ rõ hơn từ những tháng giữa năm 2012. Vấn đề đặt ra hiện nay là, cần nhận dạng thực chất tình trạng suy giảm tăng trưởng, tìm nguyên nhân và đưa ra giải pháp vượt qua.

chục ngàn doanh nghiệp ngừng hoạt động. Khối lượng hàng tồn kho tăng lên trên 30% so với cùng kỳ năm trước và tình trạng thiếu hụt việc làm của hàng chục ngàn người... cho thấy dấu hiệu trì trệ, đình đốn trong chu trình vận hành nền kinh tế. Sự suy giảm tăng trưởng kinh tế gây ra những tác động xấu về mặt xã hội cũng như tiềm ẩn không ít các rủi ro khác.

Quá trình tái cơ cấu nền kinh tế, trong đó tái cơ cấu doanh nghiệp đã được đề cập trong Nghị quyết 11 và các chủ trương lớn tiếp theo nhưng với mức độ chưa thật triệt để trong khi sự phá sản do thị trường đào thải đã có những biểu hiện rõ rệt. Mục tiêu tái cơ cấu nhằm chuyển đổi cơ

bản mô hình tăng trưởng kinh tế từ chiềng rộng sang chiềng sâu và tái cơ cấu doanh nghiệp lấy hiệu quả, nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp làm nền tảng chưa được thực hiện mạnh mẽ. Hoạt động đầu tư vào phát triển khoa học, công nghệ, tăng năng suất và hiệu quả, cũng như tăng sức cạnh tranh chưa trở thành yếu tố cốt lõi cấu thành quá trình tái cấu trúc cả nền kinh tế và từng doanh nghiệp. Về thực chất, quá trình tái cấu trúc hiện tại như là một sự điều chỉnh các tác động ngoài mong đợi của các quyết định được đưa ra trước đó. Do đó, quá trình tái cấu trúc diễn ra cục bộ, rời rạc và chịu sự chi phối của lợi ích nhóm.

LẠM PHÁT VÀ TĂNG TRƯỞNG GDP VIỆT NAM CÁC QUÝ TRONG NĂM 2011 VÀ 2012



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Nguyên nhân do đâu?

Nguyên nhân suy giảm tăng trưởng kinh tế có thể nhìn nhận từ hai khía cạnh là khách quan và chủ quan, chúng có mối quan hệ tác động qua lại lẫn nhau.

Về *khách quan*, yếu tố tác động trước tiên và lớn nhất đến sự suy giảm tăng trưởng là cuộc khủng hoảng tài chính và suy giảm kinh tế toàn cầu chưa kết thúc. Tình trạng nợ công của các nước châu Âu chưa được giải quyết và các nền kinh tế của khu vực châu Âu vốn là thị trường nhập khẩu hàng hoá lớn của Việt Nam phục hồi chậm hơn so với mong đợi. Kinh tế Hoa Kỳ cũng phục hồi chậm đang làm tăng tính bất ổn của nền kinh tế thế giới, trong khi đó các nền kinh tế mới nổi chưa đủ sức để giữ ổn định kinh tế thế giới.

Những biến động lớn của giá vàng và giá dầu mỏ có ảnh hưởng không nhỏ đến sự ổn định kinh tế vĩ mô của Việt Nam. Trong điều kiện đó, với việc hội nhập ngày càng sâu rộng thì ảnh hưởng của suy giảm kinh tế thế giới đến kinh tế Việt Nam ngày càng lớn. Bên cạnh đó, nền kinh tế Việt Nam trong thời gian dài có chất lượng và hiệu quả tăng trưởng không cao, độ bền vững không lớn. Tăng trưởng chủ yếu theo chiều rộng dựa trên cơ sở tăng vốn đầu tư và lao động thô sơ, những chuyển biến cơ bản về công nghệ và năng suất không đáng kể đang chứa đựng khả năng tụt hậu và dễ bị tổn thương cao. Khi xuất hiện các cú “sốc” lớn trong tổng cung và tổng cầu, những yếu tố tụt hậu này càng bộc lộ rõ hơn. Vì thế, không phải ngẫu nhiên khẳng định sự suy giảm kinh tế đang xảy ra khi có những tác nhân không tránh khỏi từ kinh tế thế giới đem đến, cũng như những yếu kém nội tại đến thời điểm bùng phát ra bên ngoài. Cả hai nhóm tác nhân này chưa có phương thức thích ứng hữu hiệu và kịp thời đã gây hụt hẫng khá lớn đối với việc duy trì ổn định và bền vững của tăng trưởng kinh tế ngắn hạn. Nguyên nhân này càng cho thấy rõ hơn

tình trạng suy giảm tăng trưởng kinh tế Việt Nam hiện tại thay vì cho rằng kinh tế Việt Nam rơi vào giảm phát - một trạng thái chủ yếu do tác động trực tiếp của chính sách tiền tệ và lãi suất.

Về *chủ quan*, việc quyết liệt thực hiện kiềm chế lạm phát thông qua cắt giảm đầu tư công làm chậm tốc độ đầu tư của cả nền kinh tế. Một trong những đặc trưng của tăng trưởng kinh tế Việt Nam là dựa chủ yếu vào đầu tư công cùng với tăng trưởng tín dụng liên tục kéo dài. Điều này thường như đã trở thành thông lệ và quán tính khó có thể thay đổi trong một thời gian ngắn. Khi hiệu quả đầu tư công bộc lộ hạn chế khá lớn, mức độ dần trải cao và hiệu quả thấp, đầu tư tư nhân chưa thay thế và bổ sung kịp thời do chưa lường trước và đón đầu tình hình. Sự “hụt hẫng” trong đầu tư của nền kinh tế dẫn đến suy giảm tăng trưởng. Đầu tư công năm 2011 chiếm 39,8% GDP của Việt Nam, và năm 2012 con số này dự báo sẽ giảm xuống còn 33,5% GDP. Đây còn là tín hiệu cho thấy sự suy giảm tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong năm 2012 so với năm 2011 khi mô hình tăng trưởng chưa có sự thay đổi đáng kể.

Theo các báo cáo, nghiên cứu trong và ngoài nước, tăng trưởng kinh tế Việt Nam chủ yếu dựa trên việc gia tăng vốn đầu tư và lao động với hệ số ICOR. Hệ số ICOR trong khu vực tư nhân của Việt Nam là 3,2 còn của khu vực đầu tư nước ngoài là 5,2, thấp hơn rất nhiều so với khu vực nhà nước là 8. Trong đó, tăng trưởng đầu tư vốn gấp 3 lần tăng trưởng lao động. Tăng trưởng vốn đầu tư công lớn hơn đầu tư tư nhân, biến đầu tư tư nhân thành kênh đầu tư phụ thuộc vào đầu tư công. Hơn nữa, hiệu quả của các doanh nghiệp nhà nước thấp hơn so với doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là yếu tố gây bất ổn định kinh tế vĩ mô. Những khó khăn trong cải thiện hiệu quả đầu tư khu vực kinh tế nhà nước cũng là yếu tố làm suy giảm tăng trưởng kinh tế.

Một số giải pháp

Trong điều kiện nền kinh tế Việt Nam đang phải đổi mới với tình trạng suy giảm tăng trưởng mạnh và tiềm ẩn nguy cơ dẫn đến một cuộc suy thoái kinh tế ngắn hạn, làm giảm động lực phát triển nội tại và lâu dài của nền kinh tế, cần có các giải pháp cả từ phía Nhà nước và doanh nghiệp.

Các giải pháp từ phía Nhà nước

Trước mắt, những đòi hỏi về việc làm cùng với tháo gỡ những khó khăn, doanh nghiệp rất cần sự hỗ trợ vĩ mô của Chính phủ bằng chính sách lãi suất hợp lý và những chương trình khuyến khích đầu tư tư nhân thông qua các ưu đãi về tài chính hoặc các giải pháp hỗ trợ khác liên quan đến các khoản nợ, vay và cách thức tiếp cận nguồn lực. Các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hỗ trợ nông dân, nông nghiệp và nông thôn hoặc doanh nghiệp xuất khẩu cần được thực hiện để tạo việc làm, bảo đảm ổn định xã hội và thúc đẩy tăng trưởng trong giai đoạn tiếp theo. Tiếp tục đầu tư vào các dự án dở dang, nhất là dự án xây dựng để giảm thiểu tình trạng lãng phí nguồn lực và tạo việc làm. Đồng thời, các dự án quan trọng và cần thiết để tạo nền tảng phát triển lâu dài cũng cần được triển khai xây dựng và đầu tư nhằm tạo bước phát triển trong giai đoạn tiếp theo. Dường như các giải pháp ngắn hạn này đang làm quay lại tình trạng tăng trưởng theo chiều rộng và hiệu quả thấp như trước đây, nhưng chắc chắn chúng có sự thay đổi về mức độ. Vào thời điểm hiện tại, khó có sự lựa chọn nào khác trong sự ràng buộc hết sức ngặt nghèo về điều kiện bên trong và bên ngoài.

Về lâu dài, cần tạo nền tảng để chuyển đổi mô hình tăng trưởng bằng đầu tư vào các dự án và chương trình tạo năng lực công nghệ trung bình và cao cho nền kinh tế. Tiếp nhận công nghệ hiện đại và tiên tiến của nước ngoài gắn với việc tạo năng lực nội sinh của công nghệ, tái cấu trúc toàn bộ nền kinh tế và hệ thống các

doanh nghiệp, đặc biệt là thu hẹp đáng kể khu vực doanh nghiệp nhà nước gắn với việc cải thiện hiệu quả kinh doanh của khu vực này. Có phương án cụ thể và công khai xử lý nợ xấu của các doanh nghiệp nhà nước, cũng như nợ xấu của ngân hàng thương mại nhà nước để làm lành mạnh và minh bạch hoá hệ thống tài chính quốc gia.

Cần kịp thời và khẩn trương xây dựng lộ trình chặt chẽ và khoa học chuyển đổi cơ bản mô hình và nâng cao chất lượng tăng trưởng đến năm 2020 hoặc với tầm nhìn xa hơn. Sử dụng có hiệu quả chính sách công nghiệp và thương mại để tạo động lực mới cho nền kinh tế với sự phát triển mạnh các ngành có lợi thế so sánh và lợi thế cạnh tranh.

Ở mức độ cao hơn, có thể hình thành hệ thống các doanh nghiệp mũi nhọn hoặc doanh nghiệp công nghệ cao trong từng lĩnh vực, mặt hàng cụ thể thay vì xác định cả một ngành công nghiệp. Các doanh nghiệp mũi nhọn đó sẽ tạo sức hút để quy tụ, liên kết các doanh nghiệp khác hình thành các tập đoàn kinh tế thực chất và có mối quan hệ bền vững. Nông nghiệp xuất khẩu của Việt Nam là lĩnh vực có nhiều cơ hội lớn cần được đầu tư, tạo sức hút nguồn lực lớn hơn vì những lợi thế đã và đang bộc lộ ngày càng rõ trên thị trường nông sản thế giới với tính chất gay gắt của an ninh lương thực trong suy giảm kinh tế và biến đổi khí hậu toàn cầu.

Khuyến khích đầu tư tư nhân vào các dự án đầu tư công bị phân tán, dàn trải, kém hiệu quả hoặc những dự án xét thấy đầu tư tư nhân có khả năng thay thế có hiệu

quả hơn. Vì thế, cần sàng lọc, sắp xếp và công bố cụ thể các dự án đầu tư công cần thu hút đầu tư tư nhân. Tạo làn sóng đầu tư tư nhân hỗ trợ có hiệu quả đầu tư công trong giai đoạn cắt giảm.

Các giải pháp từ phía doanh nghiệp

Doanh nghiệp vừa là đối tượng chịu tác động, vừa là chủ thể thực hiện mục tiêu chính sách của Chính phủ. Việc phối hợp chặt chẽ và nhịp nhàng giữa doanh nghiệp với các biện pháp về chính sách là hết sức cần thiết. Cụ thể:

Một là, cải thiện sức cạnh tranh bằng chiến lược tự đầu tư đổi mới công nghệ sản xuất, cải tiến liên tục sản phẩm và dịch vụ theo hướng nâng cao chất lượng để đáp ứng nhu cầu nội địa và xuất khẩu. Việc xây dựng kênh phân phối có hiệu quả cùng với việc xây dựng và phát triển thương hiệu sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp là những công cụ quan trọng để tạo lợi thế cạnh tranh.

Hai là, mở rộng có hiệu quả việc thu hút nguồn lực ngoài nhà nước và ngoài ngân hàng bằng các quan hệ sẵn có trong và ngoài nước để hình thành kênh đầu tư tư nhân đủ mạnh, bổ sung có hiệu quả và hỗ trợ đắc lực trong điều kiện đầu tư công bị cắt giảm. Việc thu hút các kênh đầu tư cần có sự hướng dẫn của Nhà nước để tránh gặp rủi ro.

Ba là, chủ động và tích cực đẩy mạnh tái cấu trúc doanh nghiệp, đơn giản hóa bộ máy quản lý theo hướng gọn, nhẹ và có khả năng thích nghi cao, tiết kiệm chi phí,

chống lạm phí nhằm giảm giá thành, tăng sức cạnh tranh trong một chiến lược kinh doanh dài hạn. Quá trình tái cấu trúc cần gắn chặt với tạo dựng, phát triển giá trị và năng lực cốt lõi để hình thành nền tảng phát triển dài hạn của doanh nghiệp.

Bốn là, coi trọng liên kết trong ngành và ngoài ngành, trong nước và ngoài nước để mở rộng mạng lưới kinh doanh, tăng cường học hỏi đối tác nước ngoài để tìm thị trường xuất khẩu, đẩy mạnh đầu tư ra nước ngoài để mở rộng quy mô. Hoạch định các bước đi cụ thể để từng bước chuyển từ việc làm đại lý, chi nhánh đến doanh nghiệp bộ phận trong chuỗi cung ứng hoặc chuỗi giá trị của các tập đoàn lớn.

Năm là, tranh thủ thời cơ hiện tại để sửa chữa, bảo dưỡng nhà xưởng, thiết bị, lắp đặt thiết bị bảo vệ môi trường, vận hành thử dây chuyền sản xuất mới, tìm kiếm công nghệ và bạn hàng mới, tăng cường hoạt động đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao nhằm nâng cao kỹ năng và trình độ, chuẩn bị đón đầu những cơ hội mới sau giai đoạn chấm dứt tình trạng suy giảm kinh tế.

Sáu là, tận dụng triệt để các hỗ trợ trực tiếp và gián tiếp từ phía Chính phủ hoặc khai thác các cơ hội thị trường đang mở ra do tình trạng phá sản, thu hẹp quy mô kinh doanh hoặc ngừng đăng ký kinh doanh để tăng thị phần, tăng khối khách hàng. Đẩy mạnh quảng bá các sản phẩm có thể mạnh với phương châm biến thách thức trong suy giảm kinh tế thành cơ hội phát triển. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đảng Cộng sản Việt Nam (2011). *Văn kiện Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ XI*. Nxb Chính trị Quốc gia
- Nghị quyết 11 ngày 24/2/2011 về “Các biện pháp nhằm kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô và bảo đảm an sinh xã hội”. Trang web Chính phủ
- Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng. *Gia nhập WTO - cơ hội, thách thức và hành động của chúng ta*, Trang web Chính phủ
- Tuyên bố của các Tổ chức Liên hợp quốc tại Việt Nam tại Hội nghị Tư vấn các Nhà tài trợ 6/12/2011 “Đẩy mạnh tái cơ cấu nền kinh tế và giảm nghèo”
- Ủy ban Kinh tế Quốc hội, Đại học Kinh tế quốc dân (2012). *Mô hình tăng trưởng kinh tế Việt Nam giai đoạn 2011-2020: từ nhận thức tới hành động*, Kỷ yếu hội thảo khoa học đề tài khoa học cấp nhà nước